

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 151/2023/HNGĐ-ST

Ngày 16-02-2023

V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quang Việt;

2. Ông Huỳnh Phạm Dũng Phát.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Phạm Phương Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà T (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Phường T, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Bị đơn: Ông A (có đơn xin vắng mặt).

Thường trú: Nga.

Địa chỉ tại Việt Nam: Phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 23 tháng 6 năm 2021 và lời khai của nguyên đơn – bà T thì: Bà và ông A tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 72 ngày 27/6/2016. Sau khi kết hôn, ông A quay về Nga và chỉ về Việt Nam thăm Bà mỗi năm khoảng 2-3 tháng. Từ ngày 16/8/2019 đến nay, ông A không về Việt Nam nữa. Do khoảng cách địa lý xa, giữa Bà và ông A phát sinh mâu thuẫn về quan điểm sống, định hướng tương lai. Do hôn nhân không hạnh phúc,

tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Bà đề nghị ly hôn ông A.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt Bà.

Tại Bản tự khai ngày 12/10/2022, ông A trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông đồng ý ly hôn bà T và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt Ông.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về địa vị tố tụng và đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông A đang cư trú tại Cộng hòa Liên bang Nga, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn – bà T và bị đơn - ông A có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải và xét xử vắng mặt, nên căn cứ Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông A.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Về hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 72, ngày 27/6/2016 do Ủy ban nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam cấp thì giữa bà T và ông A là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo trình bày thống nhất của bà T và ông A thì trong thời kỳ hôn nhân, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về quan điểm sống, định hướng tương lai, vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2019 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên giữa bà T và ông A thuận tình ly hôn. Xét cả hai hiện có khoảng cách địa lý nên tình cảm vợ chồng càng phai nhạt, đây là căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa hai người không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của

nguyên đơn cũng như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn nên bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 37; Điều 38; Khoản 4 Điều 147; Khoản 4 Điều 207; Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1, Khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 19 và Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ vào Khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Về hôn nhân: Bà T được ly hôn ông A.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001477 ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn – bà T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án; bị đơn – ông A được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (02);
- Ủy ban nhân dân quận U, thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: HSVA, VT (HA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Anh